

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
Luật số 147/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và
Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 193/2025/NĐ-CP ngày
02/7/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và
Khoáng sản; số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 sửa đổi, bổ sung Nghị định số
193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi
hành Luật Địa chất và Khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản;*

*Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng
Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm
nhìn đến năm 2045; điều chỉnh tại Quyết định số 1575/QĐ-UBND ngày
30/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Số
36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 quy định về khai thác khoáng sản, khai
thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; số 04/2026/TT-BNNMT ngày
16/01/2026 sửa đổi bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa
chất và khoáng sản;*

*Căn cứ Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 của UBND tỉnh
về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đất san
lấp tại xã Thành Tân, huyện Thạch Thành (nay là xã Vân Du), tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 03/01/2024 của UBND tỉnh về
việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp và đá ong phong
hóa không chứa kim loại tự sinh hoặc khoáng vật kim loại trong “Báo cáo kết
quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp và đá ong phong hóa không
chứa kim loại tự sinh hoặc khoáng vật kim loại tại xã Thành Tân, huyện Thạch
Thành, tỉnh Thanh Hóa”; điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 2042/QĐ-
UBND ngày 06/7/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh;*

Căn cứ Quyết định số 3262/QĐ-UBND ngày 13/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác mỏ đất san lấp và khoáng sản đi kèm tại xã Vân Du, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Đức Thuận Phát;

Xét Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nộp ngày 08/7/2026 của Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Đức Thuận Phát;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1230/TTr-SNNMT ngày 30/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Đức Thuận Phát (Mã số thuế: 2802569796; địa chỉ: Núi Trùng Bò, khu phố 1, xã Vân Du, tỉnh Thanh Hóa) được khai thác khoáng sản tại xã Vân Du, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

1. Khoáng sản được phép khai thác:
 - a) Khoáng sản chính: Đất làm vật liệu san lấp, quặng sắt laterit làm phụ gia xi măng.
 - b) Khoáng sản đi kèm: Không.
2. Phương pháp khai thác: Lộ thiên.
3. Không gian khai thác:
 - a) Diện tích khu vực khai thác: 14,5 ha (bao gồm: Khu 1 có diện tích là 7,5 ha; khu 2 có diện tích là 7,0 ha).
 - b) Mức sâu khai thác: Từ + 86,38 m đến + 40,0 m.
 Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II - Bản đồ kèm theo.
4. Khối lượng khoáng sản được phép khai thác:
 - a) Khoáng sản chính: 1.825.826 m³, bao gồm: Đất san lấp là 1.216.992 m³; quặng sắt laterit làm phụ gia xi măng là 608.834 m³ (tương ứng 1.071.546 tấn).
 - b) Khoáng sản đi kèm: Không.
5. Công suất khai thác tối đa: 600.000 m³/năm.
6. Thời gian khai thác: 10 năm, trong đó thời gian xây dựng cơ bản là 04 tháng (thực hiện trong năm đầu khai thác).

Điều 2. Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Đức Thuận Phát có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.
2. Kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Các nội dung khác:

- Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan trong khai thác mỏ; báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật; trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản chính hoặc xác định trữ lượng khoáng sản đi kèm (nếu có), tổ chức, cá nhân phải lập đề án thăm dò bổ sung, gửi cơ quan cấp giấy phép khai thác khoáng sản để xem xét, chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để được công nhận kết quả thăm dò bổ sung.

- Lưu giữ, cập nhật, cung cấp thông tin về kết quả thăm dò bổ sung, khai thác khoáng sản; kiểm soát sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trước khi vận chuyển ra khỏi khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản; đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản và kết nối với hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép.

- Thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản, cải tạo, phục hồi môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được phê duyệt và các quy định khác có liên quan.

- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP Lê Việt Hiếu;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- Thuế tỉnh;
- UBND xã Vân Du;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công ty TNHH DVTM Đức Thuận Phát;
- Lưu VT, CNXD (T07.94)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Phụ lục I

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU
KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số /GP-UBND
ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Diện tích mỏ	Điểm góc	TỌA ĐỘ VN 2000 (Kinh tuyến trục 105°00', múi chiếu 3°)	
		X(m)	Y(m)
Khu 1 S = 7,5 ha	1	2230 160,00	573 242,00
	2	2230 265,00	573 143,00
	3	2230 074,49	572 967,61
	4	2230 179,12	572 716,87
	5	2230 105,06	572 666,37
	6	2229 964,17	572 910,03
	7	2229 962,25	573 052,50
Khu 2 S = 7,0 ha	8	2229 893,98	573 025,07
	9	2229 849,34	572 759,54
	10	2229 804,37	572 338,45
	11	2229 637,20	572 438,02
	12	2229 750,30	572 546,93
	13	2229 763,88	573 020,92
Tổng diện tích: S = 14,5 ha			
Mức sâu khai thác cao nhất: + 86,38 m			
Mức sâu khai thác thấp nhất: + 40,00 m			